

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 896 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 21 tháng 4 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành danh mục các lĩnh vực ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BÌNH DƯƠNG  
**ĐẾN** Số: 2558  
Ngày: 26/4/16  
Chuyển: .....  
Lưu hồ sơ số: .....

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét nội dung Tờ trình số 198/TTr-SNN ngày 03 tháng 2 năm 2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị ban hành Danh mục các lĩnh vực ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các lĩnh vực ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, có kế hoạch tổ chức thực hiện khuyến khích, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định; tổng hợp kết quả, báo cáo hàng năm về Ủy ban nhân dân tỉnh; trường hợp cần thiết đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

**Nơi nhận:**

- Bộ KH và ĐT, Bộ NN và PTNT, VP.Chính phủ;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN và PTNT, KH và ĐT, TC, CT, TN và MT, XD;
- Cục thuế;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- LĐVP (Nh, Lg), Th, T, TH;
- Lưu: VT. *W 22*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Mai Hùng Dũng*  
Mai Hùng Dũng



## PHỤ LỤC

### Lĩnh vực ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp và nông thôn tại tỉnh Bình Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

1. Trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng cây dược liệu.
2. Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến. Xây dựng cánh đồng lớn.
3. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung.
4. Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.
5. Ứng dụng công nghệ sinh học; công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
6. Sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học.
7. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu.
8. Sản xuất bột giấy, giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản.
9. Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.
10. Sản xuất hàng thủ công; sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.
11. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước.
12. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm, tập trung, công nghiệp.
13. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn.
14. Xây dựng chợ nông thôn; xây dựng ký túc xá công nhân ở nông thôn.
15. Sản xuất máy, thiết bị, chất phụ gia, phụ trợ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, máy chế biến thực phẩm.
16. Dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y ở vùng nông thôn.
17. Dịch vụ tư vấn đầu tư, khoa học, kỹ thuật về sản xuất nông, lâm, thủy sản ở vùng nông thôn./.

